

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

Đức Trọng, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 301/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Ông Mai Hoàng S, sinh năm 1988.

Trú tại: Số nhà X, thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Lê Thị Ngọc S1, sinh năm 1989.

Trú tại: Số nhà X, thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Hoàng S và bà Lê Thị Ngọc S1 kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cũ, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân của ông S và bà S1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà X, thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự hoà hợp trong cuộc sống và quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xích mích, gia đình không hạnh phúc. Hiện nay ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hòa giải nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của ông S và bà

S1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Mai Ánh S2, sinh ngày 26/12/2011, Mai Thiên S3, sinh ngày 26/10/2017 và Mai Châu S4, sinh ngày 24/10/2019. Ly hôn, hai bên thỏa thuận bà Lê Thị Ngọc S1 trực tiếp nuôi hai con Mai Ánh S2 và Mai Châu S4; ông Mai Hoàng S trực tiếp nuôi dưỡng con Mai Thiên S3 cho đến ngày các con chung thành niên; ông Mai Hoàng S cấp dưỡng nuôi hai con Mai Ánh S2 và Mai Châu S4 1.000.000 đồng/tháng (mỗi con 500.000 đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Hai bên thỏa thuận bà Lê Thị Ngọc S1 chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Hoàng S và bà Lê Thị Ngọc S1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Hai bên thỏa thuận bà Lê Thị Ngọc S1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con Mai Ánh S2, sinh ngày 26/12/2011 và Mai Châu S4, sinh ngày 24/10/2019; ông Mai Hoàng S trực tiếp nuôi dưỡng con Mai Thiên S3 26/10/2017 cho đến khi các con chung thành niên. Ông Mai Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Mai Ánh S2 và Mai Châu S4 1.000.000 đồng/tháng (mỗi con 500.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi các con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Lê Thị Ngọc S1 nhận chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông S, bà S1 đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000979 ngày 18/6/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng cũ). Bà Lê Thị Ngọc S1 đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng;
- UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long (số 29 ngày 15/7/2011);
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Hằng